THỰC TRẠNG TƯƠNG QUAN GIỮA SỰ GẮN BÓ CỦA CHA MẸ VÀ CON VỚI ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Nguyễn Đào Phương Thuý
HVCH Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

***Tóm Tắt**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích thực trạng và mức độ tương quan giữa sự gắn bó của cha mẹ và con với động lực học tập của học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS). Nghiên cứu tiến hành khảo sát 490 HS tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Hà Nội, sử dụng thang đo sự gắn bó giữa cha mẹ và con của Armsden và Greenberg (1987) được Hoàng Đức Minh và cs. (2023) việt hoá, thang đo động lực học tập AMS-HS 28 (Vallerand và cs., 1992). Kết quả cho thấy mức độ gắn bó giữa cha mẹ và con của HS và động lực học tập của HS đạt mức tương đối cao. Phân tích tương quan cho thấy sự gắn bó giữa cha mẹ và con có mối tương quan thuận ở mức chặt chẽ với động lực học tập của HS.*

***Từ khóa:** sự gắn bó cha mẹ và con, động lực học tập, học sinh trung học cơ sở, tương quan.*

THE RELATIONSHIP BETWEEN PARENT–CHILD ATTACHMENT AND ACADEMIC MOTIVATION AMONG LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS

***Abstract:** This study aimed to examine the current status and the degree of correlation between parent–child attachment and academic motivation among lower secondary school students. Based on a survey of 490 students from lower secondary schools in Hanoi, the study employed the parent–child attachment scale developed by Armsden and Greenberg (1987) and adapted into Vietnamese by Hoang Duc Minh et al. (2023), as well as the 28-item Academic Motivation Scale for High School Students (AMS-HS 28) developed by Vallerand et al. (1992). Descriptive statistics and correlation analysis were used to analyse the collected data. The results showed that the students' level of parent–child attachment was relatively high, while their academic motivation was high. Correlation analysis indicated a strong positive correlation between parent–child attachment and students' academic motivation.*

***Keywords:** parent–child attachment; academic motivation; lower secondary school students; correlation; family.*

Nhận bài: 09/06/2026 Phản biện: 09/07/2026 Duyệt đăng: 12/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Động lực học tập là yếu tố tâm lý quan trọng, thúc đẩy HS chủ động, nỗ lực và kiên trì trong quá trình học tập. Đối với HS THCS, động lực học tập chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như đặc điểm cá nhân, môi trường nhà trường và gia đình. Trong đó, mối quan hệ giữa cha mẹ và con có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển tâm lý và thái độ học tập của HS.

Sự gắn bó tích cực giữa cha mẹ và con, thể hiện qua sự tin tưởng, giao tiếp, quan tâm và hỗ trợ, giúp HS cảm thấy an toàn, được tôn trọng và khuyến khích. Đây là cơ sở để các em hình thành sự tự tin, tính tự giác và hứng thú học tập. Ngược lại, sự xa cách, thiếu chia sẻ hoặc kiểm soát quá mức có thể làm gia tăng áp lực tâm lý và giảm động lực học tập.

Trong bối cảnh HS THCS tại Hà Nội đang phải đối mặt với áp lực học tập và kỳ vọng ngày càng cao từ gia đình, nghiên cứu mối quan hệ giữa sự gắn bó của cha mẹ và con với động lực học tập là cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung đánh giá thực trạng của hai yếu tố và phân tích mức độ tương quan giữa chúng, qua đó làm cơ sở đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao động lực học tập cho HS THCS.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1.Khái niệm sự gắn bó của cha mẹ và con, động lực học tập

- Khái niệm sự gắn bó của cha mẹ và con

Theo Bowlby (1969/1982), sự gắn bó là mối liên kết tình cảm bền vững được hình thành giữa trẻ với người chăm sóc có ý nghĩa, thúc đẩy trẻ tìm kiếm và duy trì sự gần gũi với người đó, đặc biệt khi gặp khó khăn, lo lắng hoặc cảm thấy không an toàn. Ainsworth và cộng sự (1978) nhấn mạnh rằng người chăm sóc đóng vai trò là "cơ sở an toàn" để trẻ khám phá môi trường và là nơi trẻ tìm đến để được bảo vệ, an ủi khi căng thẳng.

Đối với thanh thiếu niên, Armsden và Greenberg (1987) xem sự gắn bó với cha mẹ là nhận thức của cá nhân về những phương diện tình cảm và nhận thức trong mối quan hệ với cha mẹ, đặc biệt là mức độ cha mẹ tạo ra cảm giác an toàn tâm lý. Sự gắn bó này được biểu hiện qua ba phương diện cơ bản: sự tin tưởng lẫn nhau, chất lượng giao tiếp và mức độ xa cách hoặc bất mãn trong quan hệ.

Trong nghiên cứu này quan niệm, sự gắn bó giữa cha mẹ và con là mối liên kết tình cảm tương đối bền vững được hình thành trong quá trình tương tác giữa cha mẹ và con, thể hiện qua sự tin tưởng, giao tiếp, quan tâm, thấu hiểu và hỗ trợ lẫn nhau.

- Khái niệm động lực học tập

Trong nghiên cứu này động lực học tập được hiểu là tổng hợp những yếu tố tâm lý bên trong và bên ngoài thúc đẩy, định hướng và duy trì hoạt động học tập của cá nhân nhằm đạt được những mục tiêu nhất định. Động lực học tập được thể hiện qua sự hứng thú, tính chủ động, mức độ nỗ lực, sự kiên trì và những lý do khiến học sinh tham gia vào hoạt động học tập.

2.2.Biểu hiện sự gắn bó của cha mẹ và con, biểu hiện động lực học tập của HS THCS

a) Biểu hiện sự gắn bó của cha mẹ và con

Ở lứa tuổi THCS, gắn bó không còn dễ nhận diện qua các hành vi tìm kiếm gần gũi vật lý như ở trẻ nhỏ, mà chuyển sang các chiều kích nội tâm và tương tác biểu trưng. Công cụ chuẩn để nhận diện gắn bó là tự đánh giá của chính học sinh thông qua ba chiều kích cốt lõi của thang đo IPPA (Armsden & Greenberg, 1987).

- *Biểu hiện về Sự tin tưởng (Trust)*

Chiều kích này đo lường niềm tin nội tại của HS vào sự thấu hiểu, tôn trọng và khả năng đáp ứng từ phía cha mẹ. Biểu hiện cụ thể bao gồm: cảm nhận được sự quan tâm chân thành, tin rằng cha mẹ sẵn sàng hỗ trợ khi cần, cảm thấy quan điểm của mình được tôn trọng. Một biểu hiện tinh tế nhưng then chốt là cảm giác an tâm về sự gắn bó tình cảm ngay cả khi cha mẹ không hiện diện trực tiếp - một dạng "hiện diện tâm lý" giúp các em tự tin tập trung vào học tập.

Biểu hiện về Giao tiếp (Communication)

Chiều kích này phản ánh chất lượng và mức độ cởi mở trong tương tác tình cảm. HS có gắn bó tích cực chủ động chia sẻ những lo lắng, niềm vui và mâu thuẫn nội tâm với cha mẹ. Các em chủ động tìm đến cha mẹ xin lời khuyên khi gặp khó khăn và cảm nhận được sự nhạy bén của cha mẹ trong việc phát hiện thay đổi tâm trạng và chủ động khơi gợi đối thoại.

Biểu hiện về Sự xa lánh (Alienation)

Sự xa lánh là chỉ báo rõ nét nhất cho những đứt gãy trong kết nối gia đình, biểu hiện qua cảm giác cô độc, lạc lõng ngay trong chính ngôi nhà của mình. HS có gắn bó kém an toàn thường thiếu cảm nhận về một "căn nhà tâm lý" để trở về, thay vào đó là xu hướng thu mình, kìm nén cảm xúc và mang trong mình sự tức giận ngầm ẩn.

Cần phân định rõ giữa "nhu cầu độc lập lành mạnh" - nỗ lực tự chủ tự nhiên của tuổi thiếu niên với gắn bó tình cảm vẫn duy trì - và "sự xa lánh tiêu cực" - mang sắc thái tổn thương, biểu hiện qua việc né tránh tương tác như cơ chế phòng vệ trước nguy cơ bị khước từ.

b) Biểu hiện động lực học tập của HS THCS

Đối với HS THCS, động lực học tập bao gồm động lực bên trong , động lực bên ngoài và trạng thái thiếu động lực. Trong đó, động lực bên trong xuất phát từ niềm vui, sự hứng thú và mong muốn khám phá tri thức, động lực bên ngoài gắn với kết quả, phần thưởng, sự công nhận hoặc yêu cầu từ người khác, còn thiếu động lực thể hiện ở việc HS không nhận thấy mục đích, ý nghĩa hoặc khả năng đạt kết quả trong học tập.

Động lực học tập là một biến số tâm lý nội tâm và không thể quan sát trực tiếp, song được vật chất hóa qua các chỉ báo nhận thức, cảm xúc và hành vi có thể đo lường được.

Trong nghiên cứu này dựa trên mô hình ba thành phần của Fredricks, Blumenfeld và Paris (2004), tích hợp với cấu trúc các tiểu thang đo của AMS-18

Biểu hiện trên bình diện nhận thức

Bình diện nhận thức là nơi sự khác biệt về chất lượng động lực bộc lộ rõ nét nhất. Ranh giới căn bản nằm ở sự đối lập giữa "học vẹt - đối phó" và "học sâu - làm chủ". HS có động lực bên ngoài thường tiếp cận nhiệm vụ theo hướng bề mặt: ghi nhớ máy móc đủ để vượt qua kỳ kiểm tra. Trong khi đó, học sinh có động lực bên trong chủ động tìm kiếm các mối liên hệ logic giữa kiến thức cũ và mới, đặt nội dung học vào bối cảnh rộng hơn.

Biểu hiện trên bình diện hành vi và ý chí

Trên bình diện hành vi, động lực học tập được cụ thể hóa qua hai chỉ báo cốt lõi: sự kiên trì (persistence) trước khó khăn và mức độ nỗ lực (effort) đầu tư vào nhiệm vụ. Học sinh THCS có động lực cao thể hiện khả năng duy trì sự tập trung và đầu tư công sức ngay cả khi đối mặt với những bài toán hóc búa. Khả năng "bật lại" sau những điểm kém - một biểu hiện của sức bật tâm lý (resilience) - là chỉ báo có giá trị chẩn đoán cao.

Biểu hiện trên bình diện cảm xúc và thái độ

Bình diện cảm xúc là "lăng kính" quan trọng nhất để phân định bản chất các loại hình động lực. HS có động lực bên trong thường trải nghiệm các trạng thái cảm xúc tích cực: hứng khởi khi bắt đầu chủ đề mới, niềm vui khi hiểu được khái niệm hóc búa. Ngược lại, HS có động lực bên ngoài thường biểu hiện các trạng thái cảm xúc tiêu cực: lo âu trước các kỳ thi, mệt mỏi khi đến giờ làm bài, cảm giác bị gò bó.

Biểu hiện của trạng thái không có động lực học tập

Ở thái cực đối lập với động lực bên trong, trạng thái không có động lực học tập bộc lộ qua sự đứt gãy kết nối giữa HS và môi trường học đường. Các biểu hiện rõ nét bao gồm: thái độ thờ ơ trong giờ học, thường xuyên không hoàn thành bài tập, trốn tiết. Trên bình diện cảm xúc, trạng thái này đi liền với sự trống rỗng.

2.3.Thực trạng về sự gắn bó của cha mẹ và con của học sinh trung học cơ sở

Ghi chú: Quy ước phân mức Likert 5 (theo Best, 1977): Rất thấp (1,00 – 1,80); Thấp (1,81 – 2,60); Trung bình (2,61 – 3,40); Cao (3,41 – 4,20); Rất cao (4,21 – 5,00). Chiều Sự xa lánh đo theo hướng tiêu cực, do đó mức Thấp là chỉ báo tích cực.

Bảng 1. Thực trạng sự gắn bó của cha mẹ và con của HS THCS

TT	Chiều kích	ĐTB	ĐLC
1	Sự tin tưởng	4.04	0.53
2	Giao tiếp	3.76	0.63
3	Sự xa lánh	2.12	0.65

Kết quả từ bảng 1 cho thấy hai chiều kích tích cực (Sự tin tưởng M = 4,04 và Giao tiếp M = 3,76) đều đạt mức cao, trong khi chiều kích tiêu cực Sự xa lánh (M = 2,12) ở mức thấp. Cấu hình ba chỉ số phản ánh một nền tảng gắn bó của cha mẹ và con tương đối lành mạnh. Điều này phản ánh rằng, các em học sinh THCS cảm nhận cha mẹ là người đáng tin cậy, có thể tìm đến khi cần hỗ trợ, đồng thời ít trải nghiệm cảm giác bị cô lập cảm xúc. Bức tranh này phù hợp với những phát hiện của các nghiên cứu thích nghi thang IPPA trên mẫu thanh thiếu niên Việt Nam.

Phát hiện đáng chú ý nhất là khoảng chênh có hệ thống giữa Sự tin tưởng (M = 4,04) và Giao tiếp (M = 3,76) - chênh lệch 0,28 điểm, tương đương khoảng một nửa độ lệch chuẩn - mức được công nhận có ý nghĩa thực tế trong các nghiên cứu tâm lý học giáo dục (Cohen, 1988). Mô thức "tin cậy cao - giao tiếp thấp hơn" này phản ánh một sắc thái văn hóa Á Đông: các nghiên cứu xuyên văn hóa từ Chao (1994) đến Pomerantz và cộng sự (2014) đã chỉ ra rằng trong cấu hình gia đình Á Đông, hai chiều kích này có thể tách rời ở mức độ đáng kể. Trẻ em trong các gia đình mang đậm dấu ấn Khổng giáo thường hình thành dạng tin tưởng mang sắc thái nghĩa vụ - đạo đức, được nuôi dưỡng bởi sự hiện diện vật chất và hành động chăm sóc hơn là đối thoại cảm xúc bằng ngôn ngữ.

Về chiều kích Sự xa lánh: M = 2,12 - mức Thấp - cho thấy đại đa số học sinh không trải nghiệm sự đứt gãy cảm xúc với cha mẹ.

2.4.Thực trạng về động lực học tập của học sinh trung học cơ sở

Ghi chú: Quy ước phân mức Likert 5 (theo Best, 1977): Rất thấp (1,00 – 1,80); Thấp (1,81 – 2,60); Trung bình (2,61 – 3,40); Cao (3,41 – 4,20); Rất cao (4,21 – 5,00).

Bảng 2. Thực trạng động lực học tập của học sinh THCS

TT	Động lực học tập	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Động lực bên trong	4.31	0.54	1
2	Động lực bên ngoài	2.94	0.78	2
3	Không có động lực	1.76	0.87	3

Kết quả khảo sát cho thấy ba dạng động lực học tập của HS THCS có sự khác biệt tương đối rõ. Trong đó, động lực bên trong có ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,31; ĐLC = 0,54), xếp thứ bậc 1. Kết quả này cho thấy HS tham gia học tập chủ yếu xuất phát từ sự hứng thú, mong muốn khám phá tri thức, phát triển năng lực và cảm nhận niềm vui trong quá trình học tập. Độ lệch chuẩn thấp nhất trong ba dạng động lực phản ánh ý kiến của HS tương đối tập trung và thống nhất về phương diện này.

Động lực bên ngoài xếp thứ hai với ĐTB = 2,94 và ĐLC = 0,78. Điều đó cho thấy những yếu tố như điểm số, phần thưởng, sự công nhận, kỳ vọng của cha mẹ, yêu cầu của GV hoặc mong muốn đạt được lợi ích trong tương lai vẫn có tác động nhất định đến hoạt động học tập của HS. Tuy nhiên, ĐTB của động lực bên ngoài thấp hơn động lực bên trong 1,37 điểm, cho thấy việc học của các em không chủ yếu bị chi phối bởi những yêu cầu hoặc phần thưởng từ bên ngoài.

Không có động lực có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 1,76; ĐLC = 0,87), xếp thứ bậc 3. Đây là kết quả tích cực, cho thấy phần lớn HS nhận thức được mục đích và ý nghĩa của việc học, ít rơi vào trạng thái thiếu định hướng hoặc không nhận thấy mối liên hệ giữa sự nỗ lực với kết quả học tập. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của yếu tố này cao nhất cho thấy vẫn có sự khác biệt đáng kể giữa các HS, vẫn còn một bộ phận học sinh có thể còn thiếu mục tiêu, giảm hứng thú hoặc chưa tin tưởng vào khả năng đạt được kết quả trong học tập.

Nhìn chung, động lực học tập của HS trong mẫu khảo sát có xu hướng tích cực, nổi bật là động lực bên trong, tiếp đến là động lực bên ngoài, trong khi tình trạng không có động lực được ghi nhận ở mức thấp hơn. Kết quả này cho thấy HS học tập chủ yếu do nhu cầu nhận thức và mong muốn phát triển bản thân hơn là chỉ vì phần thưởng hoặc sức ép bên ngoài. Tuy vậy, gia đình và nhà trường vẫn cần quan tâm đến nhóm HS có biểu hiện thiếu động lực, giúp các em xác định mục tiêu, củng cố niềm tin vào bản thân và tìm thấy ý nghĩa trong hoạt động học tập.

2.5.Tương quan giữa sự gắn bó của cha mẹ với con và động lực học tập của học sinh THCS

Bảng 3. Tương quan giữa sự gắn bó với cha mẹ và động lực học tập của học sinh trung học cơ sở

Các chiều kích của sự gắn bó	Động lực bên trong	Động lực bên ngoài	Không có động lực
Sự tin tưởng	0,58***	0,24***	−0,46***
Giao tiếp	0,51***	0,20***	−0,40***
Sự xa lánh	−0,47***	−0,16***	0,55***

Ghi chú: p < 0,001.

Kết quả cho thấy sự tin tưởng có tương quan thuận ở mức mạnh với động lực bên trong của HS (r = 0,58; p < 0,001), tương quan thuận ở mức yếu với động lực bên ngoài (r = 0,24; p < 0,001) và tương quan nghịch ở mức trung bình với trạng thái không có động lực (r = −0,46; p < 0,001). Điều này hàm ý rằng HS càng tin tưởng cha mẹ thì càng có xu hướng học tập vì hứng thú, nhu cầu khám phá và mong muốn phát triển bản thân; đồng thời ít biểu hiện thiếu mục tiêu hoặc thiếu ý nghĩa trong học tập.

Giao tiếp giữa cha mẹ và con có tương quan thuận ở mức mạnh với động lực bên trong (r = 0,51; p < 0,001), tương quan thuận ở mức yếu với động lực bên ngoài (r = 0,20; p < 0,001) và tương quan nghịch ở mức trung bình với trạng thái không có động lực (r = −0,40; p < 0,001). Kết quả này cho thấy sự trao đổi, lắng nghe và chia sẻ tích cực giữa cha mẹ với con có thể đi cùng với mức độ hứng thú và chủ động cao hơn trong học tập.

Sự xa lánh có tương quan nghịch ở mức trung bình với động lực bên trong (r = −0,47; p < 0,001), tương quan nghịch ở mức yếu với động lực bên ngoài (r = −0,16; p < 0,001) và tương quan thuận ở mức mạnh với trạng thái không có động lực (r = 0,55; p < 0,001). Như vậy, HS càng cảm thấy xa cách, ít được thấu hiểu và hỗ trợ từ cha mẹ thì động lực học tập càng có xu hướng suy giảm, trong khi biểu hiện không có động lực tăng lên.

Nhìn chung, bảng số liệu cho thấy sự gắn bó tích cực với cha mẹ, thể hiện qua sự tin tưởng và giao tiếp, có quan hệ thuận với động lực học tập tích cực và quan hệ nghịch với trạng thái không có động lực. Ngược lại, sự xa lánh có xu hướng làm giảm động lực bên trong và gia tăng tình trạng thiếu động lực học tập. Tuy nhiên, kết quả tương quan chỉ phản ánh mức độ liên hệ giữa các biến, không đủ căn cứ để khẳng định quan hệ nhân quả.

III.KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự gắn bó giữa cha mẹ và con của HS THCS đạt mức tương đối cao, trong khi động lực học tập đạt mức cao. Trong các chiều kích gắn bó, sự tin tưởng và giao tiếp được đánh giá tích cực, còn sự xa lánh ở mức thấp. Động lực bên trong giữ vai trò nổi bật hơn động lực bên ngoài và trạng thái không có động lực. Phân tích tương quan cho thấy sự gắn bó tích cực với cha mẹ có quan hệ thuận với động lực học tập, còn sự xa lánh có xu hướng làm giảm động lực của học sinh. Vì vậy, gia đình cần tăng cường lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ con trong học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bowlby, J. (1982). Attachment and loss: Vol. 1. Attachment (2nd ed.). Basic Books. Tác phẩm được xuất bản lần đầu năm 1969.

Ainsworth, M. D. S., Blehar, M. C., Waters, E., & Wall, S. (1978). Patterns of attachment: A psychological study of the Strange Situation. Lawrence Erlbaum Associates.

Armsden, G. C., & Greenberg, M. T. (1987). The Inventory of Parent and Peer Attachment: Individual differences and their relationship to psychological well-being in adolescence. Journal of Youth and Adolescence, 16, 427–454.